

PHỤ LỤC 01: TÀI LIỆU ĐÀO TẠO DỊCH VỤ ĐỒNG HỒ THÔNG MINH TAMMI WATCH TRÊN ỨNG DỤNG MYKID 2.0

MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỊCH VỤ	3
1. Giới thiệu chung về dịch vụ đồng hồ thông minh Tammi Watch	3
1.1. Tính năng cơ bản của Đồng hồ.....	3
1.2. Chính sách bảo hành.....	3
2. Gói cước áp dụng cho dịch vụ Tammi Watch	3
II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG	4
1. Bộ thiết bị	4
2. Cấu tạo của Đồng hồ	5
3. Điều kiện để sử dụng Đồng hồ.....	5
4. Kích hoạt đồng hồ	5
5. Tài khoản và đăng nhập	7
5.1. Tạo tài khoản	7
5.2. Đăng nhập.....	8
5.3. Quên mật khẩu.....	9
6. Hướng dẫn kết nối Đồng hồ với ứng dụng.....	10
6.1. Kích hoạt và kết nối Đồng hồ với “Quản trị viên”	10
6.2. Thêm tài khoản phụ hay còn gọi “Thành viên gia đình”	12
7. Hướng dẫn sử dụng các chức năng trên ứng dụng MyKID 2.0	15
7.1. Gọi điện	15
7.2. Gọi video	16
7.3. Tin nhắn.....	19
7.4. Định vị	20
7.5. Vùng an toàn.....	22
7.6. Nghe từ xa	24
7.7. Cài đặt SOS	24
7.8. Hành trình.....	25
7.9. Báo thức.....	27
7.10. Chế độ lớp học.....	29
7.11. Nạp tiền	31
7.12. Hình ảnh	32
7.13. Đăng ký gói cước.....	33
7.14. Bộ sưu tập tin nhắn.....	34
7.15. Lịch sử cuộc gọi	35
7.16. Tìm đồng hồ	35
7.17. Đếm bước chân.....	37
7.18. Danh bạ.....	38
7.19. Các thông tin khác	39
7.20. Các cài đặt khác.....	41

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỊCH VỤ

1. Giới thiệu chung về dịch vụ đồng hồ thông minh Tammi Watch

- Hiện tại đồng hồ thông minh Tammi Watch có hai phiên bản KIDPLUS và KIDMAX là hai sản phẩm được thiết kế đặc biệt dành riêng cho trẻ nhỏ từ 5 – 12 tuổi giúp cha mẹ tương tác hai chiều với con thông qua cuộc gọi hoặc tin nhắn thoại. Bên cạnh đó sản phẩm còn hỗ trợ giám sát trẻ theo định vị 4 lớp GPS/A-GPS/WIFI/LBS.

1.1. Tính năng cơ bản của Đồng hồ

❖ Các tính năng cơ bản

- Định vị, theo dõi lộ trình di chuyển và xem lại hành trình di chuyển của trẻ.
- Nghe gọi hai chiều, nhận – gửi tin nhắn thoại.
- Videocall hai chiều sử dụng 4G.
- Xem ngày giờ, chụp ảnh, thời tiết.
- Sản phẩm đạt chuẩn chống nước, chống bụi IP67 trở lên.
- Thiết lập vùng an toàn, nhận cảnh báo khi ra/vào vùng an toàn.
- Thiết lập danh bạ cho Đồng hồ; Tìm kiếm thiết bị từ xa; Báo thức; Đếm bước chân; Chế độ lớp học.
- Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp SOS.
- Thực hiện cuộc gọi bí mật (Nghe từ xa), bí mật nghe được âm thanh từ môi trường xung quanh trẻ.

1.2. Chính sách bảo hành

❖ Thời gian bảo hành thiết bị

- Bảo hành 12 tháng cho thân máy.
- Chính sách 1 đổi 1 trong 30 ngày kể từ ngày kích hoạt bảo hành điện tử.
- Bảo hành 6 tháng cho phụ kiện (pin, dây đeo, cáp sạc)

❖ Địa điểm tiếp nhận bảo hành

- Tại các Cửa hàng trực tiếp tại Viettel
- Số điện thoại hỗ trợ CSKH 24/7: 198 hoặc 18008098

2. Gói cước áp dụng cho dịch vụ Tammi Watch

❖ Chính sách gói

STT	Loại thuê bao	Mã gói VAS	Giá gói cước (VNĐ)	Chính sách	Số tháng sử dụng	Điều kiện đăng ký
1	Thuê bao trả trước	12KIDMAX30	360.000	Mỗi chu kỳ 30 ngày ưu đãi sử dụng: Miễn phí 30 phút thoại nội mạng. Miễn phí 1GB dung lượng data.	14 tháng	Thuê bao trả trước kích hoạt mới (dưới 03 tháng tuổi kể từ thời điểm kích hoạt).
2		KIDMAX90	90.000	Miễn phí các cuộc gọi nội mạng dưới 10 phút (tối đa 500 phút). Miễn phí 70 phút gọi ngoại mạng. Data: 9GB. Hết ưu đãi phút gọi thoại nội/ngoại mạng và data sẽ tính cước theo gói cước chính. Hết ưu đãi data dừng truy cập.	1 tháng	Đại trà
3		6KIDMAX90	540.000	Mỗi chu kỳ 30 ngày ưu đãi sử dụng: Miễn phí các cuộc gọi nội mạng dưới 10 phút (tối đa 500 phút). Miễn phí 70 phút gọi ngoại mạng. Data: 9GB. Hết ưu đãi phút gọi thoại nội/ngoại mạng và data sẽ tính cước theo gói cước chính. Hết ưu đãi data dừng truy cập.	6 tháng	Đại trà
4		12KIDMAX90	1.080.000	Mỗi chu kỳ 30 ngày ưu đãi sử dụng: Miễn phí các cuộc gọi nội mạng dưới 10 phút (tối đa 500 phút). Miễn phí 70 phút gọi ngoại mạng. Data: 9GB. Hết ưu đãi phút gọi thoại nội/ngoại mạng và data sẽ tính cước theo gói cước chính. Hết ưu đãi data dừng truy cập.	12 tháng	Đại trà
5		15KIDMAX90	1.350.000	Mỗi chu kỳ 30 ngày ưu đãi sử dụng: Miễn phí các cuộc gọi nội mạng dưới 10 phút (tối đa 500 phút). Miễn phí 70 phút gọi ngoại mạng. Data: 9GB. Hết ưu đãi phút gọi thoại nội/ngoại mạng và data sẽ tính cước theo gói cước chính. Hết ưu đãi data dừng truy cập.	15 tháng	Đại trà
6		18KIDMAX90	1.620.000	Mỗi chu kỳ 30 ngày ưu đãi sử dụng: Miễn phí các cuộc gọi nội mạng dưới 10 phút (tối đa 500 phút). Miễn phí 70 phút gọi ngoại mạng. Data: 9GB. Hết ưu đãi phút gọi thoại nội/ngoại mạng và data sẽ tính cước theo gói cước chính. Hết ưu đãi data dừng truy cập.	18 tháng	Đại trà

❖ Cách thức đăng ký SIM gói KIDMAX

- Soạn tin nhắn: “Tên gói” gửi 191 (ví dụ: 12KIDMAX30 gửi 191)

II. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Bộ thiết bị

- Bộ thiết bị bao gồm:
 - 01 Đồng hồ
 - 01 Cáp sạc
 - Hướng dẫn sử dụng

- Dụng cụ lấy sim
- Thẻ bảo hành

2. Cấu tạo của Đồng hồ



(Hình 1: Hình ảnh minh họa (Mẫu Tammi Watch KIDMAX))

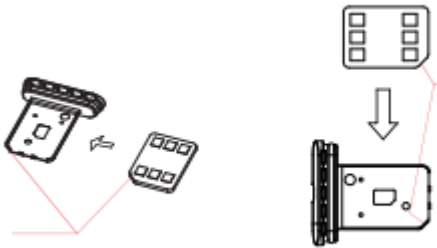
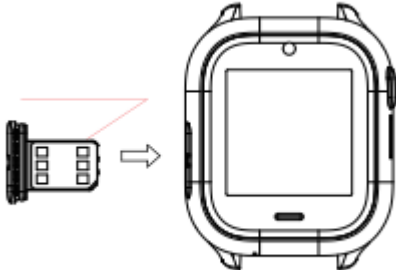
3. Điều kiện để sử dụng Đồng hồ

- Phạm vi sử dụng: Toàn quốc.
- Thẻ SIM: Nano SIM, SIM cần đăng ký 1 trong 6 gói KIDMAX
- Khuyến nghị: Điện thoại cài đặt ứng dụng kết nối với Đồng hồ sử dụng hệ điều hành Android 7.0 trở lên và IOS phiên bản 15.6 trở lên.

4. Kích hoạt đồng hồ

❖ Bước 1: Chuẩn bị

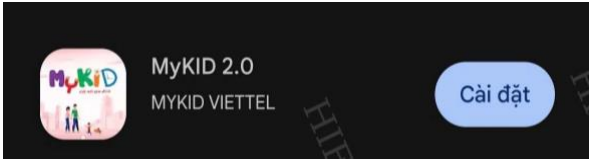
- Đảm bảo Đồng hồ đã được sạc đủ pin
- Chuẩn bị Nano SIM card, đảm bảo SIM đã được kích hoạt và đã đăng ký các gói cước KIDMAX dành riêng cho Đồng hồ TAMMI.

- Mở khay SIM bằng dụng cụ đi kèm, đặt thẻ SIM vào khay SIM.	 (Hình 2)
- Đặt khay SIM vào đồng hồ	 (Hình 3)

- Sau đó nhấn giữ phím nguồn 05 giây để khởi động Đồng hồ.
- ❖ **Bước 2: Cài đặt ứng dụng trên điện thoại**
- Hiện tại, Đồng hồ Tammi được quản lý trên ứng dụng MyKID 2.0 được hỗ trợ hệ điều hành Android và IOS. Có thể cài đặt ứng dụng theo hai cách sau:
 - Cách 1: Quét mã QR code **trên vỏ hộp** hoặc tại chức năng **Hướng dẫn sử dụng (Tải ứng dụng)**.

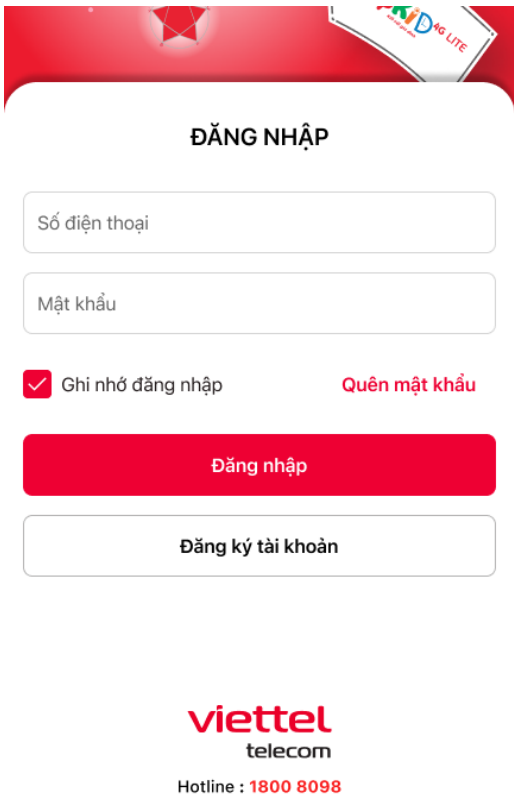
- Người dùng sử dụng chức năng chụp ảnh trên điện thoại di động để quét mã QR.	 (Hình 4)
--	--

- Cách 2: Tìm kiếm ứng dụng trực tiếp từ **CHPlay (Andoird)** hoặc **App Store (IOS)**.

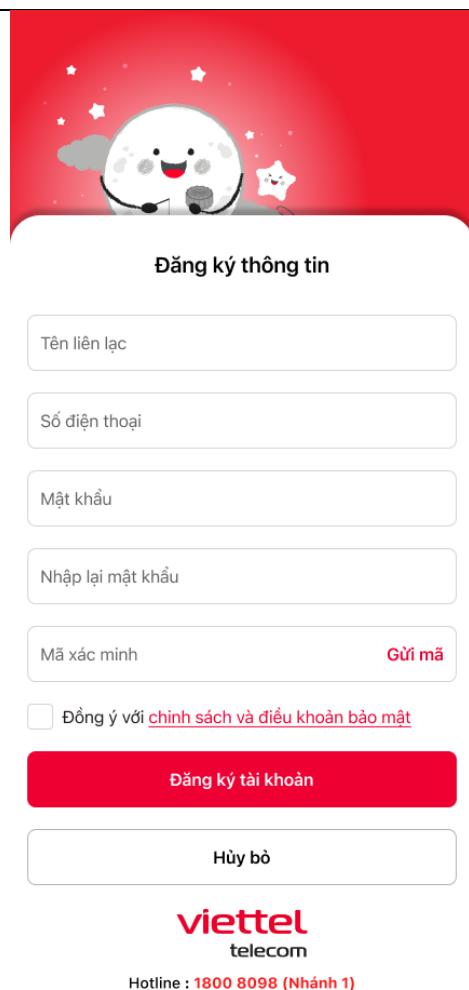
- Đối với hệ điều hành Android, truy cập kho ứng dụng Chplay, nhập từ khóa tìm kiếm “MyKID 2.0”. Nhấn “Cài đặt” để tiến hành cài đặt ứng dụng.	
- Đối với hệ điều hành IOS, truy cập kho ứng dụng, nhập từ khóa tìm kiếm “MyKID 2.0”. Nhấn “Nhận” để cài đặt ứng dụng.	

5. Tài khoản và đăng nhập

5.1. Tạo tài khoản

Bước 1: Mở ứng dụng MyKID 2.0, nhấn chọn “Đăng ký tài khoản”.	
--	---

Bước 2: Nhập thông tin “Tên liên lạc” → “Số điện thoại” → “Mật khẩu” và “Nhập lại mật khẩu” → “Gửi mã” → nhập “Mã xác minh” → tích chọn “**Bạn đồng ý với Chính sách và điều khoản bảo mật**” → Nhấn chọn “**Đăng ký tài khoản**”.



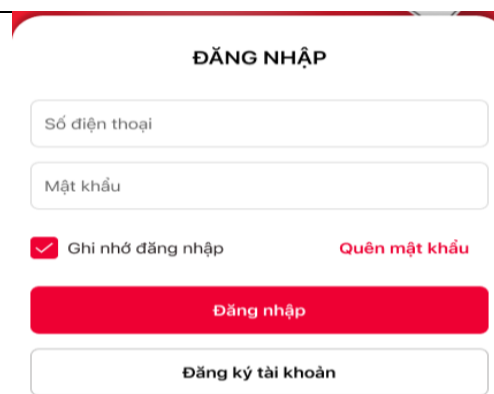
Tin nhắn từ tổng đài MyKID.VT sẽ gửi mã xác minh bao gồm 06 chữ số về số điện thoại đăng ký tài khoản.

Mã xác nhận 073182. Nhập mã trên ứng dụng MyKID để hoàn thành đăng ký tài khoản.

5.2. Đăng nhập

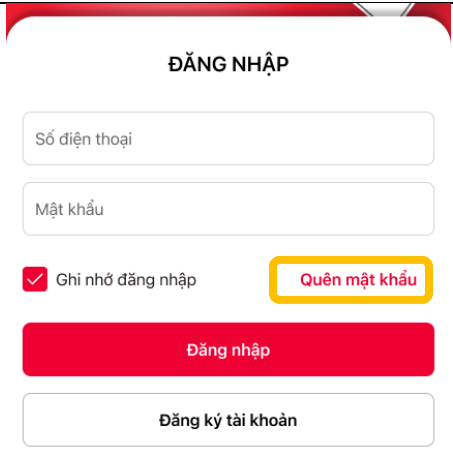
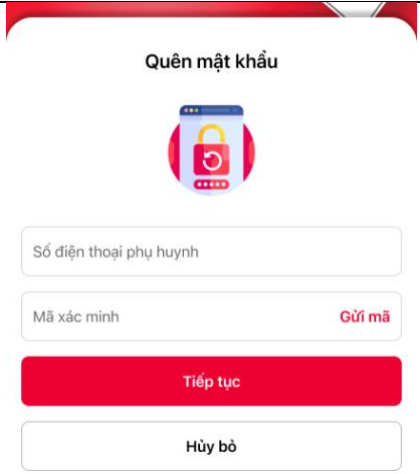
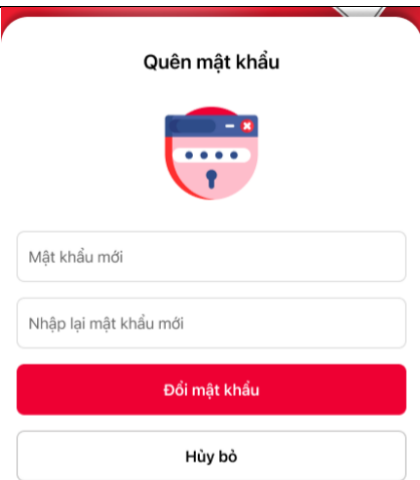
Sau khi tạo tài khoản hoặc đã có tài khoản đăng nhập, tại những lần đăng nhập tiếp theo người dùng chỉ cần nhập:

- **Số điện thoại:** Đã đăng ký
- **Mật khẩu:** Người dùng đặt
- Nhấn chọn “**Đăng nhập**”



5.3. Quên mật khẩu

Trong quá trình sử dụng, có thể người dùng sẽ cần đặt lại mật khẩu hoặc không nhớ mật khẩu đã đăng ký:

Bước 1: Trong trường hợp đặt lại mật khẩu. Nhấn chọn “ Quên mật khẩu ”.	 The screenshot shows the login interface titled "ĐĂNG NHẬP". It includes input fields for "Số điện thoại" and "Mật khẩu". Below these is a checked checkbox for "Ghi nhớ đăng nhập" and a yellow button labeled "Quên mật khẩu". At the bottom are buttons for "Đăng nhập" and "Đăng ký tài khoản".
Bước 2: Nhập số điện thoại phụ huynh (Số điện thoại đăng ký tài khoản) → Nhấn “ Gửi mã ”, mã sẽ được gửi từ tổng đài MyKID.VT (Hình...) → Nhập mã xác minh → Nhấn “ Tiếp tục ”.	 The screenshot is titled "Quên mật khẩu" and features an icon of a smartphone with a lock. It contains input fields for "Số điện thoại phụ huynh" and "Mã xác minh". A red button "Gửi mã" is next to the verification code field. At the bottom are buttons for "Tiếp tục" and "Hủy bỏ".
Bước 3: Nhập “ Mật khẩu mới ” → “ Nhập lại mật khẩu mới ” → Nhấn “ Đổi mật khẩu ”	 The screenshot is titled "Quên mật khẩu" and features an icon of a computer monitor with a lock. It contains input fields for "Mật khẩu mới" and "Nhập lại mật khẩu mới". At the bottom are buttons for "Đổi mật khẩu" and "Hủy bỏ".

6. Hướng dẫn kết nối Đồng hồ với ứng dụng

- Tài khoản (Số điện thoại) đầu tiên được kết nối được gọi là “**Quản trị viên**”. Các tài khoản tiếp theo kết nối (Số điện thoại khác) được gọi là “**Tài khoản phụ - Thành viên gia đình**”.
- Trong đó “**Quản trị viên**” có quyền cao nhất (tất cả các chức năng trên ứng dụng), cấp quyền cho các “**Thành viên gia đình**” được sử dụng các chức năng quản lý trên ứng dụng.

6.1. Kích hoạt và kết nối Đồng hồ với “Quản trị viên”

❖ Bước 1: Kích hoạt Đồng hồ

- Sau khi lắp SIM và khởi động Đồng hồ. Kiểm tra trên màn hình đã hiển thị đầy đủ các thông tin hay chưa? Nếu chưa hiển thị đầy đủ, thực hiện điều chỉnh lại khe SIM, chỉnh lại vị trí SIM, khe lắp SIM, sau đó lắp lại vào thiết bị.
- Khi lắp SIM và khởi động lại Đồng hồ, sẽ mất khoảng 1-2 phút để Đồng hồ nhận thông tin từ máy chủ Viettel. Khi đã hiển thị biểu tượng 2 mũi tên ngược chiều nhau trên góc trái màn hình (*biểu tượng này không nhấp nháy*). Đồng hồ đã kết nối thành công.

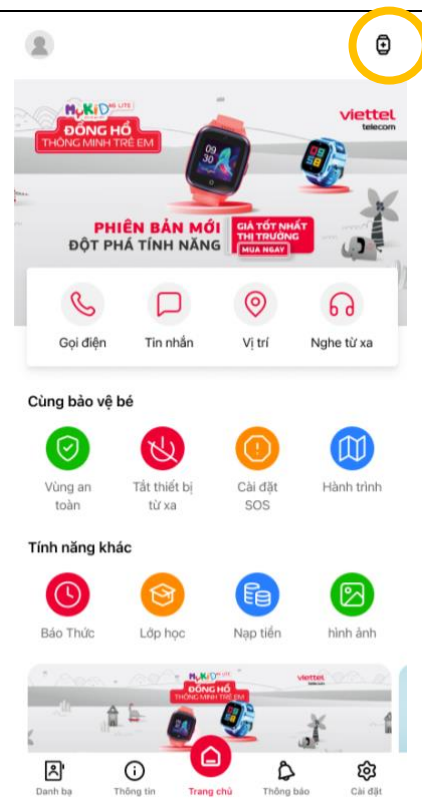
Thông tin hiển thị thứ tự từ trái qua phải: - Vạch sóng: Cường độ tín hiệu sóng. - 4G: Sóng đang sử dụng. - Mũi tên data: Đã kết nối tới máy chủ và nhận data.	
--	--

(Lưu ý: Đăng ký VOLTE cho đồng hồ bằng cách soạn tin nhắn HDCALL gửi 191, biểu tượng HD hiển thị là thành công)

❖ **Bước 2: Kết nối Đồng hồ**

- Kết nối Đồng hồ thông qua hình thức “**Quét mã QR**”, QR trên đồng hồ nằm ở chức năng **Hướng dẫn sử dụng** trên Đồng hồ hoặc ở mặt sau Đồng hồ:

Bước 1: Trên ứng dụng nhấn “**Thêm đồng hồ**” → “**Bắt đầu thêm thiết bị**”
tiến hành quét mã QR trên đồng hồ



Bước 2: Trên Đồng hồ, trong Menu chức năng chọn “**Hướng dẫn sử dụng**” → chọn “**Liên kết QR**”



Bước 3: Hướng camera vào mã QR sao cho khung mã QR nằm trong phạm vi mặc định trên ứng dụng. Khi quét thành công sẽ hiện thông báo quét mã thành công.



Bước 4: Sau đó người dùng nhập lần lượt thông tin trẻ như: Tên liên lạc, Hình ảnh đại diện, ngày sinh, v.v... Nhấn chọn “**Thêm thiết bị**”.

Thêm đồng hồ

Thông tin liên lạc

Số điện thoại *
785405123024418

Tên liên lạc *
Nguyễn Văn A

Thông tin của bé

Ngày sinh
01/01/2001

Giới tính
Nam

chiều cao
143 cm

cân nặng
25 kg

Thêm thiết bị

6.2. Thêm tài khoản phụ hay còn gọi “Thành viên gia đình”

- Nhu cầu của bậc phụ huynh khi quản lý thiết bị không chỉ dừng lại ở số lượng 01 tài khoản “**Quản trị viên**”. Mà cần thêm các tài khoản khác dành cho bố/mẹ, ông/bà, anh/chị,...Do đó, sản phẩm Tammi Watch còn cung cấp tính năng thêm “**Thành viên gia đình**”. Các tài khoản này được “**Quản trị viên**”

(Người đăng ký và kết nối đầu tiên với thiết bị) ủy quyền quản lý một số chức năng theo dõi chính thiết bị của trẻ.

- Người dùng có thể thêm tài khoản phụ theo 2 cách sau đây:

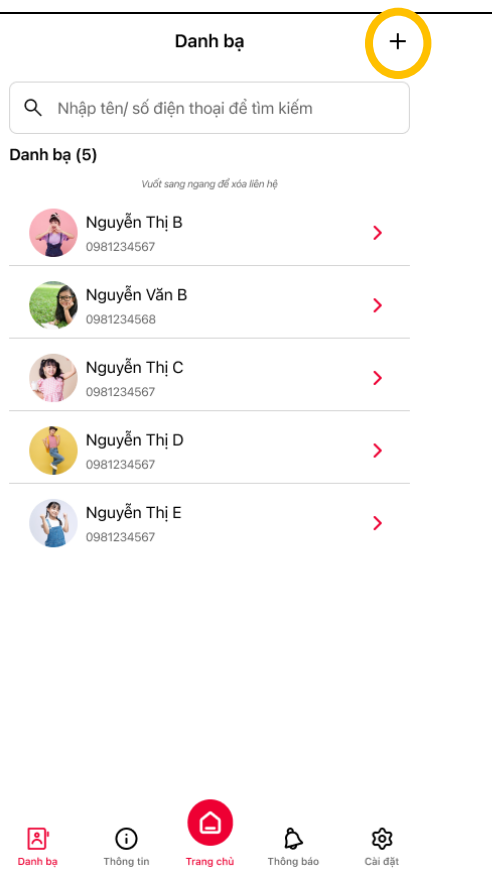
6.2.1. Cách 1: Thêm tài khoản phụ bằng cách thêm từ danh bạ tài khoản quản trị viên.

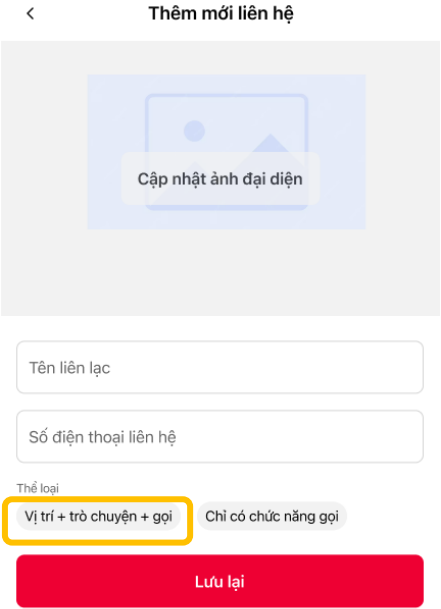
❖ Bước 1: Tạo tài khoản phụ

- Trước tiên, người dùng cần đăng ký tài khoản mới (là số điện thoại dùng làm tài khoản phụ) (Tham khảo Mục 5.1)

❖ Bước 2: Thêm tài khoản phụ trên tài khoản quản trị viên

Bước 1: Chọn giao diện “**Danh bạ**” ở thanh Menu nhập vào dấu “+” góc phải trên màn hình để thêm thông tin.



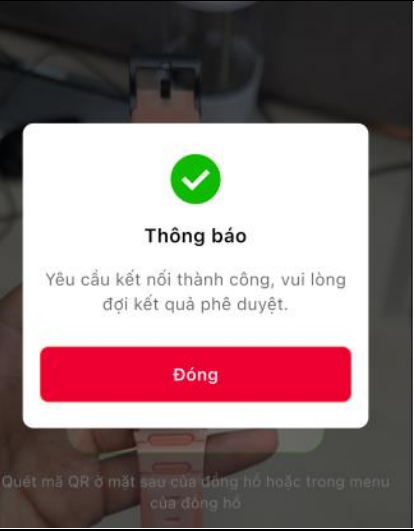
Bước 2: Người dùng nhập các thông tin cần thiết để thêm tài khoản phụ: - Hình ảnh: Lựa chọn hình ảnh đại diện. - Tên liên lạc: Bố/Mẹ, ông/bà,... - Số điện thoại: Nhập đúng số điện thoại đã đăng ký tài khoản ở mục “Tạo tài khoản phụ” Chọn đúng vai trò: - Chọn: Vị trí + trò chuyện + gọi	
Bước 3: Nhấn “Lưu lại” Khi đó danh bạ được lưu thành công và tài khoản phụ đã được thêm thành công vào thiết bị.	
Bước 4: Người dùng đăng nhập vào tài khoản phụ để kiểm tra. Khi đó trên giao diện trang chủ sẽ hiển thị đồng hồ quản lý.	

6.2.2. Cách 2: Thêm tài khoản phụ bằng cách quét QR trên đồng hồ

❖ Bước 1: Tạo tài khoản phụ

- Tạo tài khoản tương tự như Bước 1 tại Mục 6.2.1.

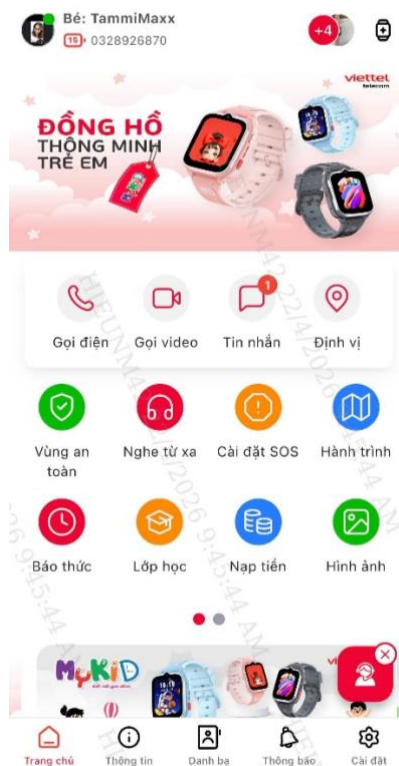
❖ Bước 2: Quét mã QR và xác nhận quản lý theo dõi

- Thực hiện quét mã QR như kết nối đồng hồ. - Sau khi quét mã QR thì sẽ hiển thị thông báo “Chờ kết quả phê duyệt”.	
---	--

- Khi đó đồng thời tài khoản quản trị viên sẽ hiển thị thông báo phê duyệt cho tài khoản phụ. - Người dùng nhấn “Phê duyệt” để cho phép theo dõi thiết bị và “Từ chối” để không cho phép theo dõi thiết bị.	
Khi được “Phê duyệt” thành công, trên giao diện trang chủ của tài khoản phụ sẽ hiển thị đồng hồ quản lý.	

7. Hướng dẫn sử dụng các chức năng trên ứng dụng MyKID 2.0

- Sau khi đăng nhập và kết nối ứng dụng với Đồng hồ, giao diện hiển thị Trang chủ:

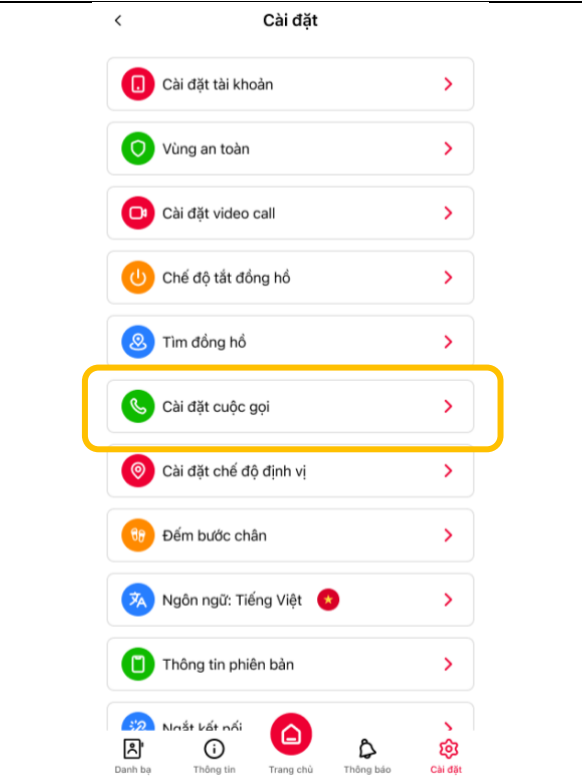
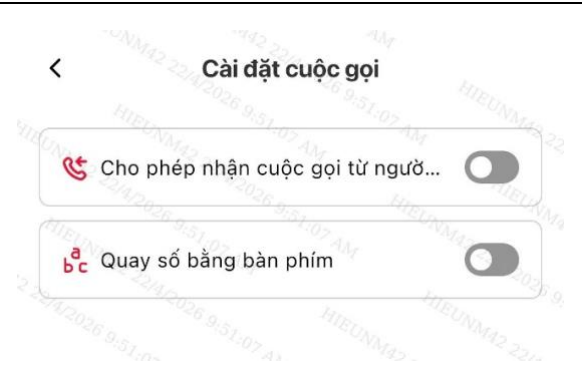


7.1. Gọi điện

- **Cách 1:** Trên giao diện Trang chủ, nhấn chọn “**Gọi điện**”. Số điện thoại của trẻ sẽ hiện ra, nhấn vào số điện thoại và thực hiện cuộc gọi.
- **Cách 2:** Gọi điện trực tiếp từ Danh bạ điện thoại (Phụ huynh có thể lưu số điện thoại của trẻ vào danh bạ của điện thoại).

7.1.1. Cài đặt cuộc gọi

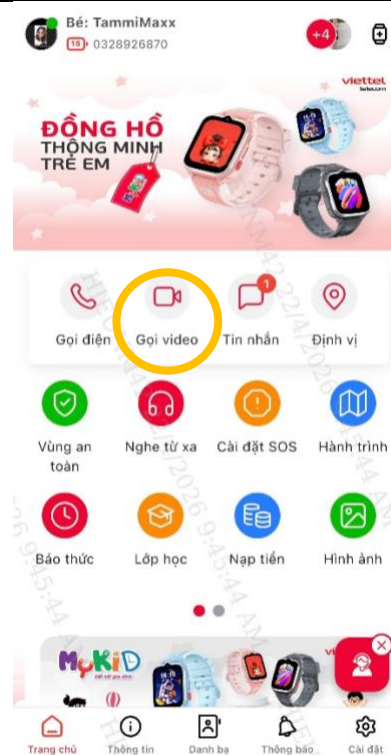
- Tại “**Cài đặt cuộc gọi**”, người dùng có thể tùy chỉnh các thiết lập để thiết lập an toàn cho trẻ bằng cách “**Chặn cuộc gọi từ người lạ**” và cấu hình chức năng “**Quay số bằng bàn phím**” trên đồng hồ.

- Chức năng “Cài đặt cuộc gọi” nằm trong “Cài đặt” của ứng dụng.	
- “Chặn cuộc gọi từ người lạ” Giúp bảo vệ trẻ khỏi các cuộc gọi rác hoặc người lạ không có trong danh bạ đã lưu. - Bật/Tắt “Quay số bằng bàn phím” Kiểm soát trẻ tự nhập số điện thoại trên đồng hồ để gọi đi hoặc chỉ được phép gọi cho các số có sẵn trong danh bạ.	

7.2. Gọi video

- Chức năng **Gọi video** cho phép ứng dụng thực hiện cuộc gọi video đến đồng hồ và đồng hồ cũng có thể thực hiện cuộc gọi video đến ứng dụng.

- Trong giao diện “**Trang chủ**” nhấn chọn “**Gọi video**”

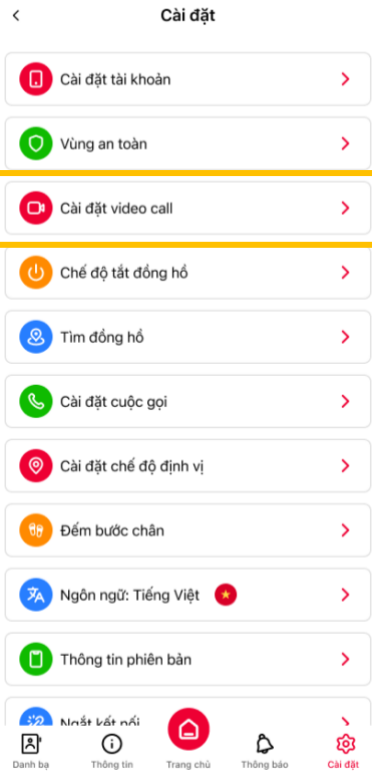


- Khi đó giao diện cuộc gọi video trên ứng dụng hiện ra



7.2.1. Cài đặt Video call

- Chức năng “**Cài đặt Video call**” cho phép bật/tắt quản lý đồng hồ thực hiện cuộc gọi video với ứng dụng.

- Chức năng “Cài đặt video call” nằm trong “Cài đặt” của ứng dụng.	 The screenshot shows the 'Cài đặt' (Settings) screen. The 'Cài đặt video call' option is highlighted with a yellow box. Other options include 'Cài đặt tài khoản', 'Vùng an toàn', 'Chế độ tắt đồng hồ', 'Tìm đồng hồ', 'Cài đặt cuộc gọi', 'Cài đặt chế độ định vị', 'Đếm bước chân', 'Ngôn ngữ: Tiếng Việt', and 'Thông tin phiên bản'.
- Bật/Tắt “Cho phép gọi video call” - <i>Chú ý: Khi Tắt chức năng này, đồng hồ không thể thực hiện cuộc gọi video với ứng dụng.</i>	 The screenshot shows the 'Cài đặt video call' (Video Call Settings) screen. The toggle switch for 'Cho phép gọi video call' is turned on. A warning message at the top states: 'Khi tắt chức năng này, đồng hồ không thể thực hiện cuộc gọi video với ứng dụng'.

7.3. Tin nhắn

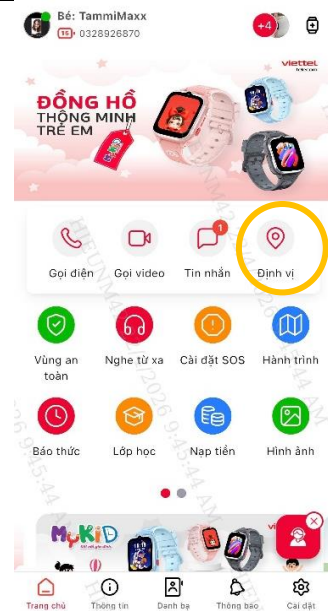
- Ứng dụng khi gửi tin nhắn đến đồng hồ có thể gửi bằng tin nhắn thoại, tin nhắn văn bản hay imoji, còn đồng hồ chỉ có thể gửi tin nhắn thoại đến ứng dụng.

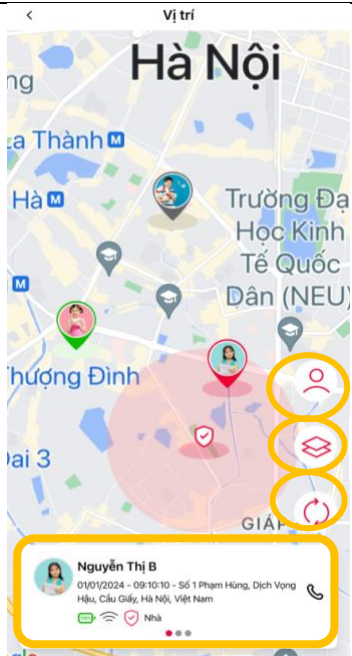
- Trong giao diện “Trang chủ” nhấn chọn “Tin nhắn”	
- Thanh công cụ tin nhắn có những chức năng như: (1) Tin nhắn thoại: Gửi tin nhắn bằng cách thu âm và gửi đến đồng hồ. (2) Tin nhắn văn bản: Gửi tin nhắn văn bản đến đồng hồ. (3) Emoji: Ứng dụng gửi biểu tượng cảm xúc đến đồng hồ.	

7.4. Định vị

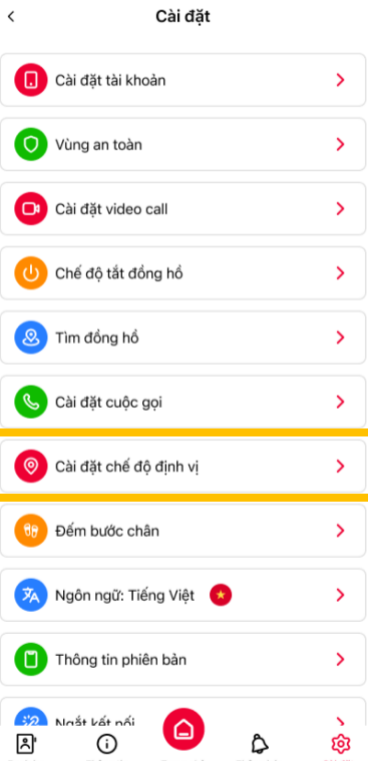
- Chức năng “Định vị” thể hiện vị trí tương đối của trẻ trên bản đồ. Độ chính xác vị trí phụ thuộc nhiều vào các yếu tố địa hình, thời tiết và môi trường xung quanh.
- Nếu Đồng hồ đang ở ngoài trời, khu vực quang đãng thì sẽ tự động nhận diện tín hiệu GPS, định vị GPS có sai số thấp độ chính xác cao (0 – 5 mét).
- Nếu Đồng hồ đang ở trong nhà hoặc các khu vực che chắn, thì Đồng hồ sẽ dò tín hiệu WIFI xung quanh (định vị thông qua IP WIFI mà không cần kết nối), sẽ có sai số cao hơn GPS nhưng vẫn ở mức đạt và chấp nhận được (<50 mét).
- Nếu Đồng hồ ở khu vực không có sóng GPS hoặc WIFI kém. Đồng hồ sẽ tự động sử dụng tín hiệu LBS – được định vị dựa trên các trạm thu phát sóng của nhà mạng. Độ chính xác phụ thuộc vào vị trí trạm BTS. Thông thường sai số của định vị bằng hình thức này sẽ cao ($50 < \text{LBS} < 1000$ mét).

- Trong giao diện “**Trang chủ**” nhấn chọn “**Định vị**”



Sau khi vào giao diện “Định vị” sẽ có: - (1): Thay đổi theo dõi một thiết bị hoặc nhiều thiết bị trên một bản đồ. - (2): Thay đổi loại bản đồ mặc định hoặc vệ tinh. - (3): Lấy định vị tức thời, thời gian chờ đợi khoảng 12 ~ 15 giây. Đối với thiết bị lần đầu ~20 giây. - (4): Thông tin: Tên, số điện thoại, thời gian, vị trí,... của đồng hồ và có thể gọi cho thiết bị qua biểu tượng gọi.	
---	--

7.4.1. Cài đặt chế độ định vị

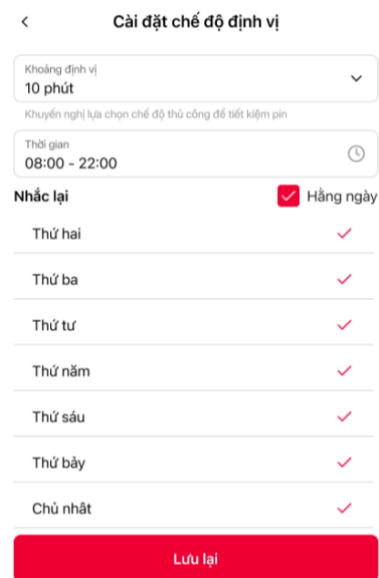
Chức năng “Cài đặt chế độ định vị” nằm trong “Cài đặt” của ứng dụng.	
---	---

“Cài đặt chế độ định vị” có các lựa chọn sau:

- Định vị thủ công
- 10 phút/lần
- 20 phút/lần
- 30 phút/lần
- 60 phút/lần

Thời gian hoạt động cập nhật định vị đối với các chế độ 10/20/30/60 phút.

Định vị thủ công sẽ không tốn pin đồng hồ và người dùng sẽ phải vào định vị và thao tác cập nhật định vị.

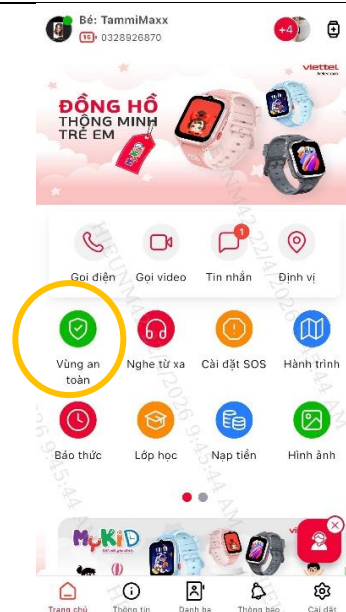


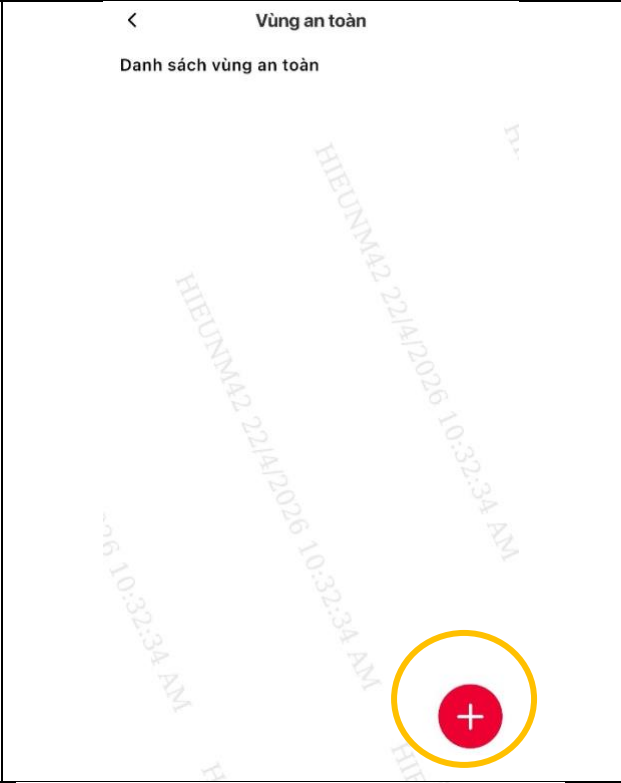
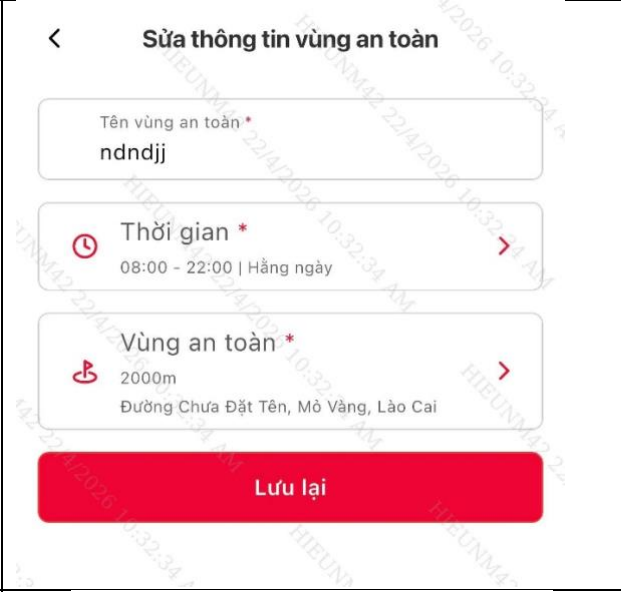
Nhấn **“Lưu lại”** để lưu thiết lập cài đặt chế độ định vị

7.5. Vùng an toàn

- **“Vùng an toàn”** là giải pháp giám sát vị trí tự động dành cho bố mẹ có nhu cầu. Tính năng này cho phép thiết lập các khu vực an toàn trong khoảng cách 200 – 2000 mét. Nếu bé ra/vào vùng an toàn thì ứng dụng sẽ cảnh báo ngay lập tức cùng với cập nhật định vị của trẻ, giúp ngăn ngừa tối đa các rủi ro lạc đường hoặc đến các vùng không an toàn.

Bước 1: Trong giao diện **“Trang chủ”** nhấn chọn **“Vùng an toàn”**

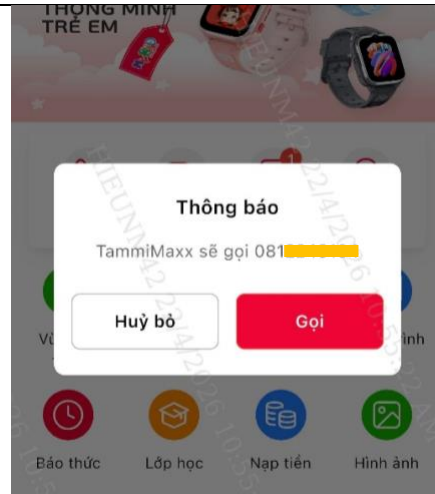


Bước 2: Sau khi vào giao diện “Vùng an toàn” nhấn “+” góc phải dưới để thêm vùng an toàn.	
Bước 4: Điền các thông tin cần thiết: - Tên vùng an toàn - Thời gian cảnh báo - Chọn vùng an toàn Sau đó nhấn “Lưu lại” để lưu thiết lập thêm mới vùng an toàn.	
Bước 5: Sau khi đã lưu thành công, giao diện sẽ hiện vùng an toàn đã thiết lập thành công, có thể Bật/Tắt thông báo vùng an toàn này	

7.6. Nghe từ xa

- “**Nghe từ xa**” thực hiện cuộc gọi trong trường hợp cần thiết. Ứng dụng gửi lệnh điều khiển xuống đồng hồ tự thực hiện cuộc gọi đến số điện thoại quản trị viên, đồng hồ sẽ không hiển thị bất kì thông báo hay giao diện nào (hay còn gọi là cuộc gọi bí mật).

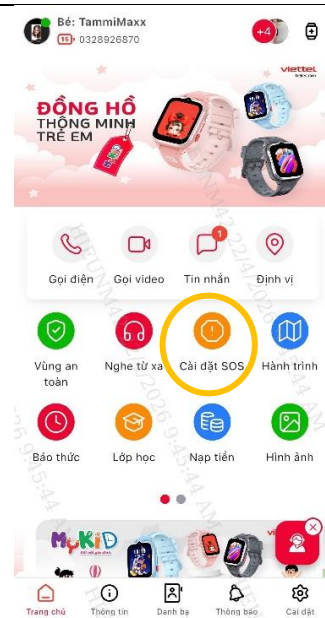
- Trên giao diện ứng dụng, nhấn chọn “**Nghe từ xa**”. Hiện thị thông báo xác nhận đồng hồ gọi đến số điện thoại. Nhấn “**Gọi**” để thực hiện, nhấn “**Hủy bỏ**” để hủy gọi.



7.7. Cài đặt SOS

- “**SOS**” là tính năng cho phép trẻ thao tác nhấn giữ nút SOS trên đồng hồ sẽ tự động gọi đến các số điện thoại đã thiết lập trên ứng dụng đồng thời sẽ có cảnh báo SOS đến ứng dụng kèm theo vị trí của trẻ tại thời điểm đó.

Bước 1: Trong giao diện “**Trang chủ**” nhấn chọn “**Cài đặt SOS**”.



Bước 2: Nhập số điện thoại lần lượt theo số SOS1, SOS2, SOS3. Có thể nhập 1 hoặc 2 số điện thoại và lấy số điện thoại từ trong danh bạ của ứng dụng.

(Lưu ý: Khi trẻ nhấn giữ nút SOS hoặc nút nguồn trên đồng hồ đồng hồ sẽ tự động gọi 3 số này theo thứ tự ưu tiên 2 vòng cho đến khi có người nhắc máy)

Cài đặt SOS



Vui lòng thiết lập số khẩn cấp để đồng hồ có thể gọi khi nhấn phím SOS

Số SOS 1 👤

Số SOS 2 👤

Số SOS 3 👤

Lưu lại

Bước 3: Nhấn “**Lưu lại**” để lưu thiết lập số điện thoại SOS cho đồng hồ.

7.8. Hành trình

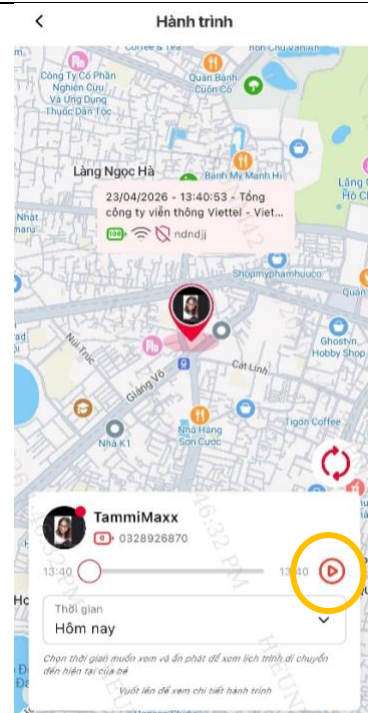
- Tính năng giúp các bậc phụ huynh theo dõi lịch sử di chuyển của trẻ theo thời gian. Giúp phụ huynh biết vị trí tương đối của trẻ ở các khu vực, địa điểm trong khoảng thời gian nhất định.

(Lưu ý: Tần suất lấy được các mốc định vị phụ thuộc vào chế độ cài đặt định vị, tham khảo chi tiết ở mục 7.4.1: Cài đặt chế độ định vị)

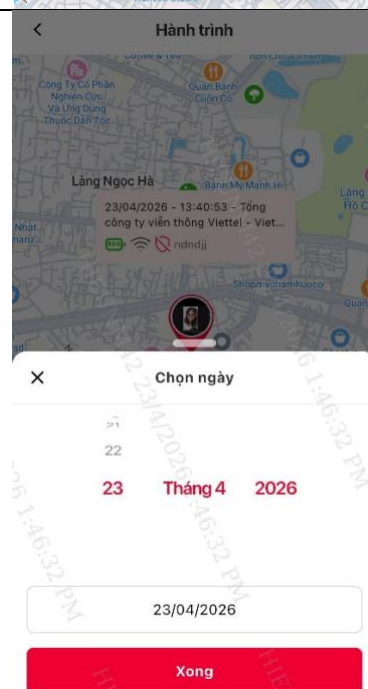
Bước 1: Trong giao diện “**Trang chủ**” nhấn chọn “**Hành trình**”.



Bước 2: Người dùng nhấn  để phát lại toàn bộ hành trình của trẻ.

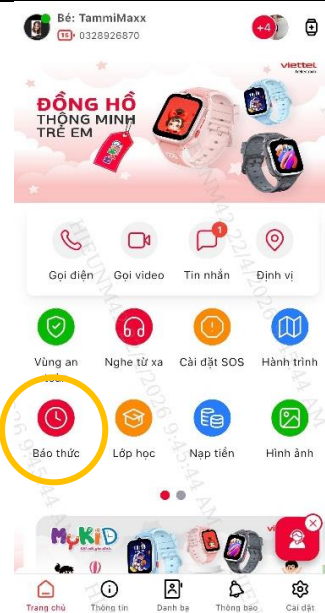


Nếu muốn xem lịch sử hành trình của các ngày trước đó hãy chọn “**Thời gian**”.
Chọn thời gian mong muốn xem hành trình.
Nhấn “**Xong**” để hoàn thành.



7.9. Báo thức

Bước 1: Trong giao diện “**Trang chủ**” nhấn chọn “**Báo thức**”



Bước 2: Nhấn “+” góc phải dưới để thêm báo thức trên đồng hồ



Bước 3: Người dùng lựa chọn:

- Thời gian báo thức
- Nhãn (tên) báo thức
- Chế độ lặp lại báo thức

Nhấn “**Lưu**” lại để lưu báo thức.

Thêm mới báo thức

12 36
13 : 37
14 38
15 39

Thông tin báo thức

Dán nhãn

Nhắc lại * ☒ Hàng ngày

Thứ hai ✓
Thứ ba ✓
Thứ tư ✓
Thứ năm ✓
Thứ sáu ✓
Thứ bảy ✓
Chủ nhật ✓

Lưu lại

Bước 6: Sau khi thêm báo thức thành công sẽ hiện thị giao diện “**Thêm báo thức thành công**”.

Người dùng có thể **Bật/Tắt** báo thức thông qua công tắc.

Thêm báo thức thành công

Danh sách báo thức

Vuốt sang ngang để xóa hoặc sửa báo thức

13:38

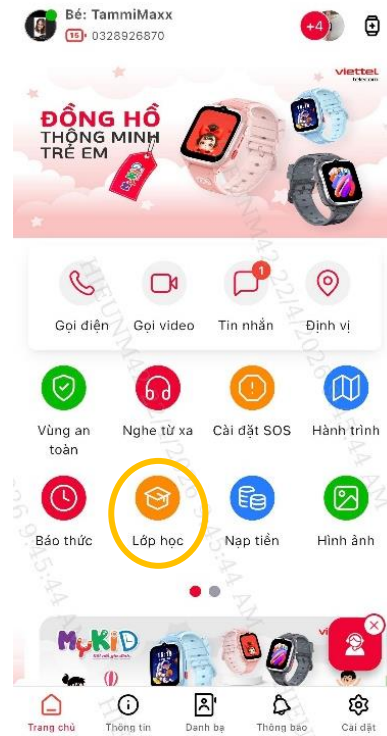
thức giấc

Lặp lại hàng ngày

7.10. Chế độ lớp học

- Tính năng “**Lớp học**” trên đồng hồ sẽ giúp trẻ tập trung hơn trong giờ học mà không bị ai làm phiền. Tính năng sẽ vô hiệu hóa tất cả các thông báo trên đồng hồ ngoài báo thức và SOS.

Bước 1: Trong giao diện “**Trang chủ**” nhấn chọn “**Lớp học**”.



Bước 2: Nhấn “+” góc phải dưới để thêm thời gian lớp học.

Danh sách lịch lớp học



Bước 3: Người dùng lưu ý thông báo và nhấn “**Tiếp tục**” để tiếp tục thực hiện thêm thời gian lớp học.



Bước 4: Người dùng nhập các thông tin cần thiết và có thể chọn thời gian lặp lại chế độ lớp học. Sau đó nhấn “**Lưu lại**” để thêm thời gian lớp học.

< Thêm mới lớp học

Tên lớp học *
Lớp học chính

Giờ lên lớp

Tên buổi học
Lớp học chính

Giờ học
11:00 - 12:00

Tên buổi học
Lớp học chính

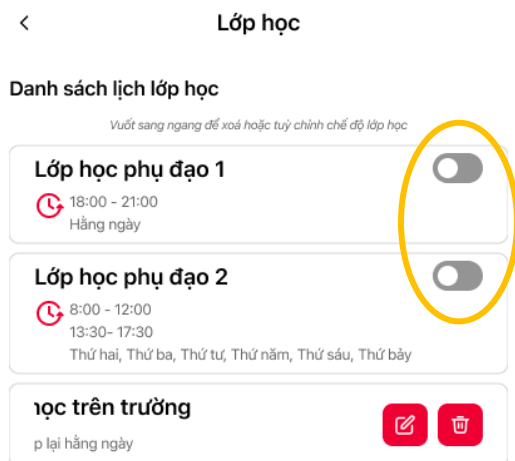
Giờ học
11:00 - 12:00

+ Thêm mới giờ học

Nhắc lại ☒ Hằng ngày

Thứ hai	✓
Thứ ba	✓
Thứ tư	✓
Thứ năm	✓
Thứ sáu	✓
Thứ bảy	✓
Chủ nhật	✓

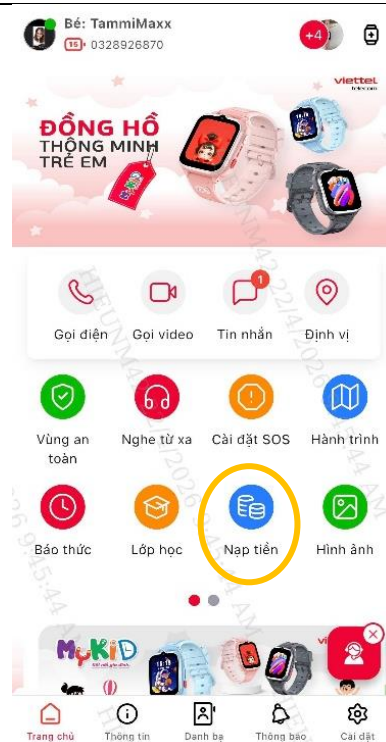
Bước 5: Sau khi thêm thành công.
Người dùng có thể **Bật/Tắt** lịch lớp học thông qua công tắc.



7.11. Nạp tiền

- Người dùng có thể kiểm tra thông tin gói cước như tên gói cước, ngày hết hạn, dung lượng Data, số dư,... Nạp thêm tiền cho trẻ hoặc đổi gói cước cũng như xem lại lịch sử nạp tiền cho trẻ.

Trong giao diện “**Trang chủ**” nhấn chọn “**Nạp tiền**”.



Sau khi vào giao diện “**Nạp tiền**” sẽ hiển thị các thông tin gói cước gắn trên đồng hồ, ngoài ra còn có:

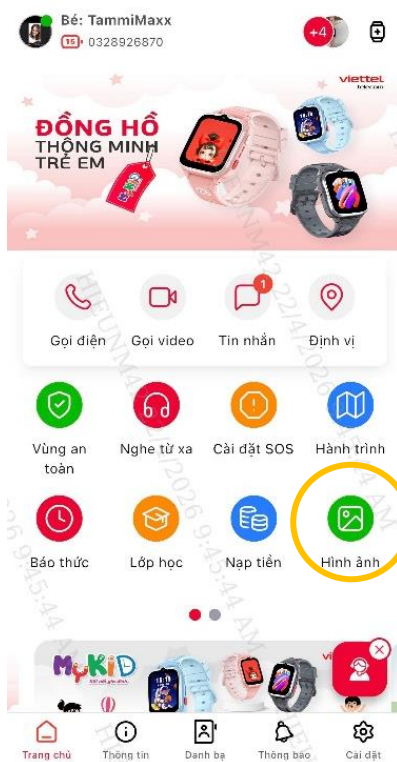
- **Lịch sử nạp tiền.**
- **Nạp tiền.**
- **Đổi gói cước.**



7.12. Hình ảnh

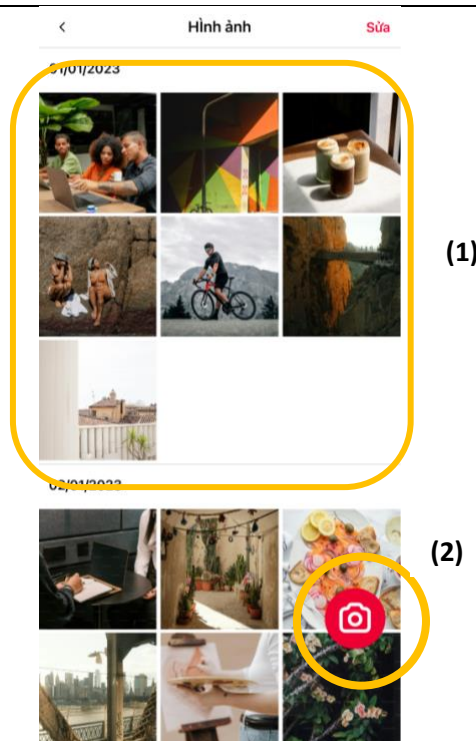
- Trên ứng dụng ảnh sẽ được lưu ở mục “**Hình ảnh**”, hình ảnh được gửi lên từ đồng hồ hoặc chủ động chụp hình ảnh ở đồng hồ từ lệnh ở ứng dụng.

Trong giao diện “**Trang chủ**” nhấn chọn “**Hình ảnh**”.



Trong giao diện “**Hình ảnh**”:

- (1) **Hiển thị hình ảnh** được gửi lên từ đồng hồ và các hình ảnh được chụp từ ứng dụng
- (2) **Chụp ảnh từ xa** (được gửi lệnh từ ứng dụng xuống đồng hồ)



7.13. Đăng ký gói cước

Bước 1: “Đăng ký gói cước” nằm ở trang 2 ở giao diện “**Trang chủ**”.



Bước 2: Người dùng nhập “Số điện thoại” muốn đăng ký gói cước → Nhấn “Gửi mã” → Nhập mã và nhấn “Tiếp tục”	
---	--

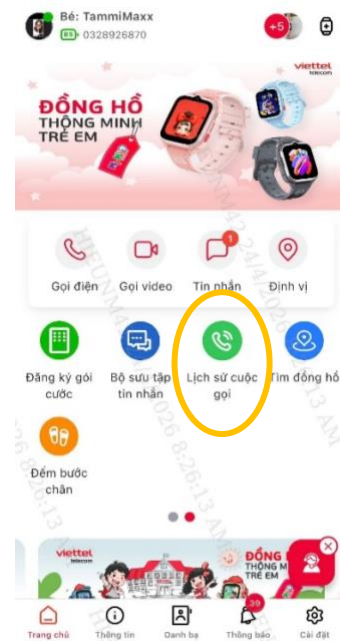
7.14. Bộ sưu tập tin nhắn

“Bộ sưu tập tin nhắn” là nơi lưu trữ các tin nhắn SMS trên đồng hồ, phụ huynh có thể kiểm tra một cách dễ dàng. Bước 1: “Bộ sưu tập tin nhắn” nằm ở trang 2 ở giao diện “Trang chủ”.	
Bước 2: Người dùng nhấn vào tin nhắn bất kỳ để xem nội dung chi tiết.	

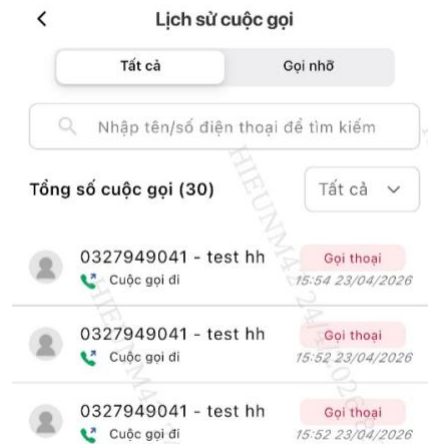
7.15. Lịch sử cuộc gọi

“Lịch sử cuộc gọi” lưu lại các thông tin cuộc gọi bao gồm cuộc gọi thường, videocall, cuộc gọi nhỡ.

Bước 1: Nhấn chọn **“Lịch sử cuộc gọi”** trong giao diện **“Trang chủ”**.



Bước 2: Người dùng xem chi tiết lịch sử cuộc gọi hoặc có thể lọc ra những cuộc gọi nhỡ hoặc tìm kiếm cụ thể theo tên hoặc số điện thoại.



7.16. Tìm đồng hồ

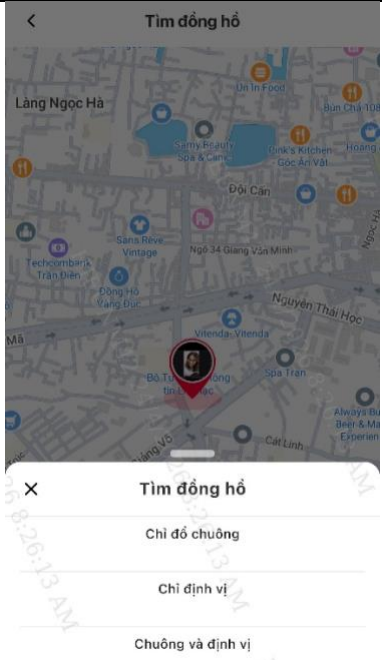
Tính năng **“Tìm đồng hồ”** trên đồng hồ Tammi giúp người dùng có thể định vị hoặc điều khiển đồng hồ đổ chuông khi không nhớ đồng hồ để đâu. (*chú ý: đồng hồ phải còn pin, nếu không đồng hồ sẽ hiển thị vị trí cuối cùng trước khi hết pin*)

Bước 1: Nhấn chọn “**Tìm đồng hồ**” trong giao diện “**Trang chủ**”.

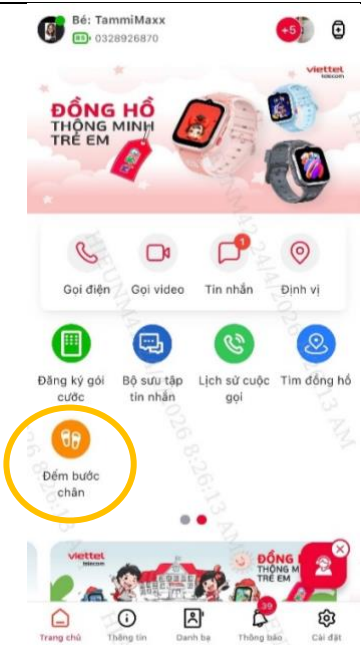


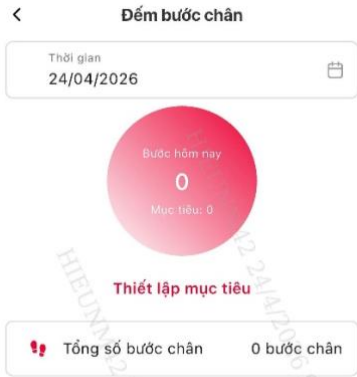
Bước 2: Nhấn chọn biểu tượng kính núp 🔍 để lựa chọn kiểu tìm đồng hồ.



Bước 3: Sau khi nhấn vào biểu tượng  tìm đồng hồ sẽ có 3 lựa chọn: - Chỉ đồ chuông - Chỉ định vị - Chuông và định vị <i>(Với chỉ đồ chuông thì đồng hồ sẽ đồ chuông ngay lập tức mà không cần thời gian chờ như 2 lựa chọn còn lại)</i>	
--	--

7.17. Đếm bước chân

Đồng hồ đếm số bước chân của trẻ sau đó update lên ứng dụng, trên ứng dụng phụ huynh có thể đặt mục tiêu cho trẻ và có thể kiểm tra số bước chân ở trong lịch sử. Bước 1: Nhấn chọn “Đếm bước chân” trong giao diện “Trang chủ”.	
---	--

Bước 3: Giao diện “Đếm bước chân” bao gồm: - Số bước chân ngày hiện tại - Thiết lập mục tiêu: số bước chân - Đếm tổng số bước chân - Thời gian: có thể xem lịch sử	
--	--

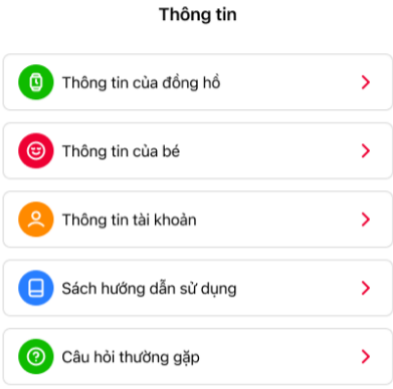
7.18. Danh bạ

Bước 1: Chuyển sang giao diện “Danh bạ”	
Bước 2: Người dùng nhấn “+” góc phải trên để thêm danh bạ cho đồng hồ (ngoài ra có thể nhập tên hoặc số điện thoại để tìm kiếm danh bạ nếu đã lưu)	

Bước 3: Thêm thông tin danh bạ: - Tên liên lạc - Số điện thoại - Thẻ loại: - o Vị trí + trò chuyện + vị trí (tài khoản phụ) - o Chỉ có chức năng gọi (danh bạ thông thường) (Tài khoản phụ tham khảo mục 6.2.1)	
--	--

7.19. Các thông tin khác

Bước 1: Chuyển sang giao diện “Thông tin”	
---	---

Bước 2: Sau khi vào giao diện “Thông tin” sẽ có các thông tin sau: - Thông tin của đồng hồ: Imei, tên mẫu. - Thông tin của bé: có thể chỉnh sửa. - Thông tin tài khoản. - Hướng dẫn sử dụng. - Câu hỏi thường gặp.	
Hỗ trợ: Thông tin hỗ trợ trực tiếp từ tổng đài Viettel	

7.20. Các cài đặt khác

Bước 1: Chuyển sang giao diện “Cài đặt”	
Bước 2: Trong giao diện “Cài đặt” còn có thể lựa chọn các cài đặt khác như: - Cài đặt đăng nhập: đăng nhập bằng FaceID/Vân tay. - Cài đặt kết bạn: Bật/Tắt chức năng cho phép kết bạn trên đồng hồ. - Chế độ tắt đồng hồ. - Tắt thiết bị từ xa. - Ngắt kết nối. - Xóa tài khoản. - Ngôn ngữ: hỗ trợ tiếng Việt và tiếng Anh. - Đăng xuất.	